TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: **263**/2022/QĐST – HNGĐ	*Quận 4, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 114/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông **Bùi Đình N**, sinh năm 1971.

Hộ khẩu Tòng trú: 64/57/45/1A U, Phường H, Quận L, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 1697/84 Lg, xã NĐ, huyện N, TP. Hồ Chí Minh.

2/ Bà **Trần Lê Anh T**, sinh năm 1972.

Hộ khẩu Tòng trú: 64/57/45/1A U, Phường H, Quận L, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 277/73 D, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy, tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/6/2022, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đình N và bà Trần Lê Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông N và bà T xác nhận có 02 (hai) con chung tên là Bùi Kim U, sinh ngày 23/9/1998 (đã trưởng thành) và Bùi Lê G, sinh ngày 14/02/2004 (đã trưởng thành).

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông N và bà T xác nhận không có nên không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông Bùi Đình N tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008687 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, ông N đã nộp đủ lệ phí.

Xét thấy, việc thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đình N và bà Trần Lê Anh T thuận tình ly hôn, (Giấy chứng nhận kết hôn số 41/95, quyển số 01/95 do Ủy ban nhân dân Phường T, Quận E, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/1995).

1.2. Về con chung: Ông N và bà T xác nhận có 02 (hai) con chung tên Bùi Kim U, sinh ngày 23/9/1998 (đã trưởng thành) và Bùi Lê G, sinh ngày 14/02/2004 (đã trưởng thành).

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông N và bà T xác nhận không có nên không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Bùi Đình N tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008687 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, ông N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Thúy